

Tầm nhìn tương lai đối với Di sản văn hóa và hệ thống bảo vệ di tích ở nước ta.

Lượt xem : 502

Theo các kết quả nghiên cứu dân tộc học, ở Việt Nam hiện nay có 54 dân tộc chung sống, các dân tộc ấy đã tụ cư tại đây từ nhiều thế kỷ. Mỗi dân tộc đều có sự sáng tạo và gìn giữ được các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của riêng mình, nhờ đó tạo nên sự đa dạng văn hóa của cả đất nước. Vì vậy, tài sản văn hóa ở Việt Nam rất phong phú, đa dạng. Các tài sản văn hoá ấy bao gồm cả di sản văn hóa và di sản thiên nhiên.

Theo các kết quả nghiên cứu dân tộc học, ở Việt Nam hiện nay có 54 dân tộc chung sống, các dân tộc ấy đã tụ cư tại đây từ nhiều thế kỷ. Mỗi dân tộc đều có sự sáng tạo và gìn giữ được các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của riêng mình, nhờ đó tạo nên sự đa dạng văn hóa của cả đất nước. Vì vậy, tài sản văn hóa ở Việt Nam rất phong phú, đa dạng. Các tài sản văn hoá ấy bao gồm cả di sản văn hóa và di sản thiên nhiên.

1- Nước ta có lịch sử lâu đời, các nhà khảo cổ học hơn một thế kỷ qua đã phát hiện dấu vết con người thời tiền sử sống cách nay hàng chục vạn năm trên đất nước này.

Theo các kết quả nghiên cứu dân tộc học, ở Việt Nam hiện nay có 54 dân tộc chung sống, các dân tộc ấy đã tụ cư tại đây từ nhiều thế kỷ. Mỗi dân tộc đều có sự sáng tạo và gìn giữ được các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của riêng mình, nhờ đó tạo nên sự đa dạng văn hóa của cả đất nước. Vì vậy, tài sản văn hóa ở Việt Nam rất phong phú, đa dạng. Các tài sản văn hoá ấy bao gồm cả di sản văn hóa và di sản thiên nhiên. Cho đến tháng 11 năm 2004, Bộ Văn hóa - Thông tin đã xếp hạng 2829 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, ngoài ra còn cả ngàn di tích do các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xếp hạng theo tinh thần của Luật di sản văn hóa. Trong các di sản đó, có một số tiêu biểu, mang giá trị độc đáo nổi bật toàn cầu, đã được UNESCO ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới như: Quần thể di tích Huế (1993), Vịnh Hạ Long (1994, 2000), Khu phố cổ Hội An (1999), Khu di tích Chăm Mỹ Sơn (1999), Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (2003). Các di sản văn hóa và thiên nhiên của Việt Nam được ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới phần lớn đều đạt hai tiêu chuẩn độc đáo, nổi bật toàn cầu theo quy định tại Công ước Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của UNESCO cụ thể là: Quần thể di tích kiến trúc Huế đạt tiêu chuẩn (iii) và (iv), khu phố cổ Hội An đạt tiêu chuẩn (ii) và (v), khu di tích Mỹ Sơn đạt tiêu chuẩn (ii) và (iii) về văn hóa. Vịnh Hạ Long đạt tiêu chuẩn (iii) năm 1994 và tiêu chuẩn (i) năm 2000, Vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng đạt tiêu chuẩn (i) về thiên nhiên. Hiện nay, UNESCO đang khuyến nghị Việt Nam sớm phối hợp với nước láng giềng Lào mở rộng phạm vi di sản với mục đích nâng thêm giá trị, để Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng đạt thêm tiêu chuẩn (iv) về giá trị đa dạng sinh học.

Tồn tại song hành với các di sản vật thể là một kho tàng di sản văn hóa phi vật thể phong phú, không kém phần đa dạng, bao gồm nhiều loại hình của các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó Âm nhạc cung đình Việt Nam - Nhã nhạc (triều Nguyễn) đã được UNESCO đưa vào Tuyên bố Các kiệt tác về văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại năm 2003. Vùng văn hoá cộng đồng chiêm Tây Nguyên, rồi nước, ca trù ... được Bộ Văn hóa- Thông tin trình Chính phủ cho phép đăng ký vào danh sách dự kiến gửi UNESCO, trong đó Vùng văn hoá cộng đồng chiêm Tây Nguyên đã được lập hồ sơ gửi UNESCO xem xét đưa vào Tuyên bố Các kiệt tác về văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại trong một vài năm tới.

Bên cạnh các di sản văn hóa và thiên nhiên đã được phát hiện, nghiên cứu, xếp hạng nói trên, hàng năm chúng ta vẫn tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bảo tồn thêm các di sản mới, tập trung trong các trường hợp sau:

- Phát hiện thêm một số di sản trong các loại hình cũ mà trước đây chưa có điều

kiện tiếp cận ngay một lúc như: Nhà thờ Ki tô giáo, đình, chùa, đền, miếu, hội quán...

- Phát hiện thêm những giá trị mới trong các di sản đã được xếp hạng quốc gia và quốc tế trước đây như trường hợp Vịnh Hạ Long - năm 1994 được UNESCO công nhận với tiêu chuẩn (iii) về vẻ đẹp thiên nhiên, đến năm 2000 được công nhận thêm tiêu chuẩn (i) về giá trị lịch sử địa chất.v.v.

- Phát hiện, bảo tồn, tu bổ một số loại hình di sản mới: Nhà ở dân gian truyền thống - Trong thời gian qua, do còn thiếu thốn về tài chính, hạn chế về công tác nghiên cứu, nhận thức chung của xã hội về di sản còn chưa đầy đủ nên chúng ta chỉ tập trung nghiên cứu, xếp hạng các di sản liên quan đến cuộc sống chung của cộng đồng như : Đình, chùa, đền, miếu, hội quán .v.v. Từ năm 1997 đến nay, được sự giúp đỡ của các chuyên gia của Trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (Showa Women University) - Nhật Bản, chúng ta đã tiến hành điều tra khảo sát và đã phát hiện hơn 5.000 ngôi nhà ở truyền thống có giá trị hiện còn ở 12 tỉnh trong tổng số 64 tỉnh của cả nước. Đây là những phát hiện quan trọng mà trước đây chúng ta chưa để tâm đến.

Ngoài các di sản thiên nhiên đã được đề cập trên đây, thông qua UNESCO, Việt Nam đã có 2 khu bảo tồn được đưa vào danh sách các khu dự trữ sinh quyển của thế giới là Vườn quốc gia Cát Tiên (tỉnh Lâm Đồng) và Khu bảo tồn Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh). Câu lạc bộ các vịnh đẹp nhất thế giới đã đưa Vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh) và Vịnh Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa) vào danh sách 28 vịnh đẹp nhất thế giới.Thực tế này cho thấy, nhiều loại hình di sản vẫn còn đang tiềm ẩn trên đất nước ta, mà nếu chỉ một ngành, một địa phương quan tâm thôi thì chưa đủ, mà cần có sự phối hợp liên ngành, đa ngành cùng sự trợ giúp quốc tế thì chúng ta mới có thể phát hiện thêm các giá trị còn đang tiềm ẩn trong các di sản, để bảo tồn và phát huy giá trị.

Từ những kinh nghiệm nêu trên, hiện nay chúng ta đang tiếp tục nghiên cứu và phối hợp với các đồng nghiệp ở trong và ngoài nước để phát hiện thêm những di sản văn hóa phi vật thể, di sản của các thời đại gần đây, như các di sản về ngành nghề thủ công nghiệp, công nghiệp, các làng cổ, nhà cổ, khu bảo tồn, vườn quốc gia.v.v.

2- Nước ta là một nước đang phát triển, lại bị chiến tranh kéo dài tàn phá nặng nề, nên sau khi giành được độc lập, thống nhất nước nhà, hòa bình trở lại, ưu tiên hàng đầu của Nhà nước và nhân dân là phát triển kinh tế, nâng cao đời sống để thoát nghèo. Tuy nhiên, tập trung phát triển kinh tế trong khi chưa xây dựng hoàn thiện hành lang pháp lý về bảo vệ di sản, ý thức chấp hành luật pháp và nhận thức của cộng đồng về bảo tồn di sản văn hóa trong phát triển chưa đầy đủ rất dễ dẫn đến tình trạng phát triển không bền vững. Hơn nữa, di sản văn hóa vật thể của Việt Nam phần lớn làm bằng chất liệu hữu cơ, lại bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh, thiên tai và do sự quan tâm không đầy đủ của con người qua hàng trăm năm. Vì vậy, sự phát triển kinh tế càng mạnh, dân số tăng càng nhanh thì nhu cầu khai thác, xây dựng, sản xuất ngày càng lớn. Trong những năm gần đây, Nhà nước thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế, đầu tư nước ngoài tăng, sức ép của toàn cầu hóa đối với văn hóa truyền thống ngày càng lớn. Đó là những nguy cơ hiện hữu, đẩy di sản văn hóa và thiên nhiên của chúng ta đứng trước những cơ hội và thử thách lớn lao. Những sức ép do sự tác động tiêu cực của sự phát triển đó cộng với sự xuống cấp hàng loạt của di sản văn hóa, nhận thức chung của cộng đồng về bảo vệ di sản vẫn còn bị hạn chế so với nhu cầu phát triển kinh tế phục vụ đời sống hàng ngày. Chính vì vậy, di sản văn hóa của Việt Nam đã và đang chịu tác động ngày càng nhanh chóng của sự biến đổi môi trường tự nhiên và xã hội. Qua quan sát của chúng tôi, có thể quy vào mấy trường hợp chính sau đây:

- Môi trường thiên nhiên truyền thống của một số khu di sản bị biến dạng một

phần, do các công trình xây dựng bao quanh khu di sản không phù hợp với quy hoạch truyền thống của khu di tích về vị trí, màu sắc, hình dáng ... Khi các công trình xây dựng hoàn thành, được đưa vào sử dụng lại gây ảnh hưởng không tốt tới môi trường của di sản do tiếng ồn, khói bụi, nước thải...

- Môi trường thiên nhiên của một số di sản bị lấn át do những công trình xây dựng bao quanh có quy mô quá lớn cả về chiều cao và diện tích xây dựng, làm cho di sản trở nên nhỏ bé và chật chội.

- Không gian của di sản bị lấn chiếm để làm nhà ở, cơ sở dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, công sở và sử dụng vào những mục đích gây bất lợi cho di sản.

- Không gian của di sản bị biến dạng, ô nhiễm do việc phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ, phát triển sản xuất một cách ồ ạt không tuân thủ các quy định của Nhà nước.

- Môi trường của di sản bị ô nhiễm do sự phát triển du lịch, sự tập trung quá đông người trong mùa lễ hội, mà chưa có những biện pháp quản lý bảo vệ cần thiết, chưa xây dựng được một kế hoạch hoạt động du lịch bền vững tại các khu di sản.

Sở dĩ có những hiện tượng trên là do sự thiếu đồng bộ, thiếu ý thức và thiếu quan tâm đến việc bảo tồn di sản của một số ngành, địa phương trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các cơ sở sản xuất, như:

- Xây cảng, dựng cầu, mở đường, phát triển các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản than, xi măng, nuôi trồng thủy sản v.v... không chú ý đến việc bảo tồn di sản văn hóa trong khu vực triển khai dự án.

- Việc phát triển các đô thị không theo quy hoạch, hoặc quản lý quy hoạch đô thị không nghiêm, dẫn đến tình trạng xây dựng đường xá, cầu cống, nhà hàng, khách sạn, biệt thự, nhà ở cao tầng ồ ạt, vô cùng lộn xộn. Những công trình mới đó, vô hình chung đã làm cho di sản văn hóa bị mất không gian truyền thống, nhiều di sản còn bị các công trình mới chèn lấn, có nguy cơ bị mai một. Các công trình cấp thoát nước và xử lý nước thải cũng như xử lý khói bụi, tiếng ồn ở các đô thị và nhà máy chưa đảm bảo, dẫn đến tình trạng gây ô nhiễm môi trường của di sản.

- Việc đô thị hóa nông thôn nhanh chóng, không có quy hoạch khả thi cũng là nguy cơ làm cho các làng cổ ngày một mất dần, nhường chỗ cho những khu đô thị mới xây dựng một cách tự phát ra đời, nhiều di sản văn hóa do đó cũng bị tiêu huỷ (đối với những di sản chưa được xếp hạng) hoặc bị xâm hại đất đai, không gian.

- Việc xây dựng ồ ạt các công trình mới không được kiểm soát một cách chặt chẽ nghiêm ngặt, dẫn đến tình trạng một số di sản văn hóa không có khu vực đệm, một số di sản văn hóa còn bị thu hẹp dần khu vực bảo vệ để nhường chỗ cho các hoạt động kinh tế, xã hội.

- Việc phát triển du lịch một cách mạnh mẽ trong khi chưa có đủ cơ sở hạ tầng, chưa có những công cụ pháp lý hữu hiệu để điều chỉnh các hành vi liên quan cũng làm cho di sản văn hóa có nguy cơ bị ô nhiễm do quá tải, nhất là trong mùa lễ hội, du lịch.

- Nhiều không gian hoạt động tại di sản văn hóa, không gian lễ hội bị phá vỡ, hoặc thu hẹp lại (đình, chùa bị phá hoại trong chiến tranh, các con đường hành lễ, các địa điểm sinh hoạt lễ hội, không gian văn hóa bị chia cắt do việc xây dựng mở mang các đô thị, khu công nghiệp...). Thế hệ trẻ ngày càng ít quan tâm và không còn muốn sống trong những

môi trường truyền thống, môi trường sống tại các đô thị hiện đại có lực hấp dẫn mạnh mẽ đối với họ. Con người ngày càng muốn sống trong các điều kiện hiện đại, có đầy đủ tiện nghi hơn, vì vậy di sản văn hóa luôn đứng trước nguy cơ bị cải biến theo hướng hiện đại.

3- Để bảo đảm cho việc quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên ở nước ta ngày một tốt hơn, hiệu quả hơn, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể ở từng giai đoạn phát triển của đất nước, Đảng và Chính phủ đã có nhiều quyết sách để hoàn thiện hệ thống quản lý di sản và tăng cường hiệu lực của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này.

Do nhận thức rõ tầm quan trọng của văn hóa, trong đó có di sản văn hóa, nên ngay từ năm 1943, tức là khi chưa giành được chính quyền từ tay đế quốc, phong kiến, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành bản *Đề cương văn hóa* trong đó nêu rõ quan điểm Dân tộc-Khoa học và Đại chúng trong đường lối văn hóa của Đảng. Ngày 23 tháng 11 năm 1945, tức là chỉ hơn hai tháng sau khi Tuyên ngôn độc lập, khai sinh Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam) vào ngày 2 tháng 9, tuy đang phải đối phó với những khó khăn do nạn đói, thù trong, giặc ngoài, vận nước đang “ngàn cân treo sợi tóc”, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Sắc lệnh số 65/SL về việc Bảo tồn cổ tích trên toàn cõi Việt Nam. Sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), hòa bình lập lại trên miền Bắc nước ta, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định 519/TTg ngày 29/10/1957 về việc Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh. Sau khi đất nước thống nhất 1975, đến năm 1984 Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh. Tiếp đó, trong quá trình Đảng và Chính phủ thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa, hội nhập, để việc bảo vệ di sản văn hóa được toàn diện, đầy đủ và phù hợp với thông lệ quốc tế, đáp ứng những yêu cầu của thời kỳ lịch sử mới, năm 1998 Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII về việc Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bốn năm sau, Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua, Chủ tịch nước ký lệnh ban hành Luật di sản văn hóa năm 2001, Luật có hiệu lực từ 1/1/2002.

Những văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nêu trên, qua từng thời kỳ lịch sử, cái sau có giá trị pháp lý cao hơn và đầy đủ hơn cái trước, đã cho thấy tính nhất quán trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên của Đảng và Chính phủ ta, thể hiện nguyện vọng, ý chí chung của toàn dân tộc trong sự nghiệp cao cả, đầy khó khăn thử thách này. Hiện nay, các văn bản đó đã và đang đi dần vào cuộc sống và phát huy hiệu lực.

Để thực hiện Luật di sản văn hóa, Chính phủ ta cũng đã ban hành một số văn bản khác như: Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa (11/11/2002), Chỉ thị về tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ cổ vật trong di tích và ngăn chặn đào bới, trục vớt trái phép cổ vật trong di chỉ khảo cổ học (18/2/2002), Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020 v.v..

Song song với việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ đã có những quyết sách cụ thể để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa như việc xếp hạng các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo vệ di sản. Một số di sản được lập hồ sơ trình UNESCO đưa vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Từ năm 1994, Chính phủ cho triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia chống xuống cấp và tôn tạo di tích. Thông qua Chương trình này, Chính phủ đã cấp ngân sách chống xuống cấp và tôn tạo hơn 1000 di tích và thực hiện 378 dự án điều tra, sưu tầm, lưu trữ di sản văn hóa phi vật thể với kinh phí đầu tư lên đến hàng trăm tỷ đồng Việt Nam .v.v. Trong đó, có những di tích được đầu tư không chỉ nhằm chống xuống cấp mà

còn cải thiện cả môi trường cảnh quan của di tích. Hàng năm, Chính phủ và một số địa phương cũng đã dành một số ngân sách và quỹ đất cho việc di dời một số công trình xây dựng xâm phạm, lấn chiếm đất đai của di tích, để tạo cho di tích có môi trường cảnh quan tốt hơn. Chính phủ cũng đã quyết định đình chỉ hoặc cho điều chỉnh quy mô xây dựng một số công trình có nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến di tích, nhằm bảo vệ môi trường di tích.

Nhà nước cũng đã chú ý hoàn thiện dần bộ máy tổ chức quản lý di tích từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Đội ngũ cán bộ, chuyên gia, nhân viên, nghệ nhân cũng đã được tập trung đào tạo, số lượng ngày càng đông đảo. Tuy nhiên, chúng ta còn phải cố gắng trong nhiều năm nữa mới có thể đáp ứng được yêu cầu của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

4. Qua phần trình bày ở trên có thể thấy, nếu chúng ta không cố gắng phấn đấu cho sự phát triển bền vững thì khuynh hướng ưu tiên cho phát triển kinh tế - xã hội sẽ nổi trội, lấn át khuynh hướng bảo tồn di sản. Tại các nước phát triển, để đạt được sự cân bằng giữa bảo tồn và phát triển đã khó, tại các nước đang phát triển (các nước nghèo) công việc này còn khó gấp bội. Gánh nặng này, không chỉ đặt trên vai các nhà làm công tác bảo tồn di sản mà còn nằm ngay trong ý thức của các nhà hoạch định chính sách ở trung ương và địa phương, ở những người có hoạt động liên quan đến di sản trong cộng đồng. Vì vậy, trong tương lai, môi trường di sản ít nhất có hai hoặc ba khuynh hướng phát triển sau đây:

- Khuynh hướng thứ nhất là, nếu các quốc gia không tăng cường đầu tư cho công tác bảo tồn di sản, từ việc xây dựng một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đủ mạnh, có hiệu lực trong thực tiễn, đến việc xây dựng được một hệ thống tổ chức quản lý có quyền lực thực sự và đào tạo một đội ngũ cán bộ, nhân viên đảm bảo về số lượng và chất lượng, cùng những chương trình mục tiêu quốc gia với nguồn kinh phí đầu tư đảm bảo và được cộng đồng ủng hộ, thực hiện nghiêm túc, thì môi trường của di sản sẽ không những không được cải thiện mà ngày càng bị xâm phạm nhiều hơn, di sản sẽ mất dần môi trường tự nhiên và xã hội vốn có của nó.

- Khuynh hướng thứ hai ngược lại với khuynh hướng trên, nếu chúng ta đáp ứng được tất cả các yêu cầu về nguồn lực và các điều kiện để bảo vệ di sản, công việc của chúng ta được sự ủng hộ của các cấp, các ngành và cộng đồng, thì môi trường di sản văn hóa sẽ không những được giữ vững mà còn có thể được cải thiện. Tuy nhiên, đây chỉ là mơ ước vì điều này đòi hỏi một nguồn kinh phí rất lớn để có thể khắc phục tình trạng xuống cấp của di tích, cần những quỹ đất lớn để di chuyển các công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân ra khỏi các khu vực bảo vệ và khu vực đệm của di tích, cộng thêm vào đó là cần phải có kinh phí để tôn tạo lại cảnh quan môi trường di tích. Hơn thế nữa, cần phải có một lực lượng nhân lực dồi dào, đầy đủ tri thức, kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm trong tất cả các công đoạn của việc quản lý và phát huy giá trị di tích như: Các đơn vị tư vấn thiết kế, các đơn vị giám sát thi công, đội ngũ thợ lành nghề, đủ đảm đương một khối lượng công việc khổng lồ hiện nay. Trên thực tế, đây chỉ là nguyện vọng, mong muốn của những người làm công tác bảo vệ di sản, điều ước này không khả thi đối với chúng ta hiện nay.

- Khuynh hướng thứ ba, đó là sự dung hòa giữa hai khuynh hướng trên, trước hết cố gắng ngăn chặn, tiến tới chấm dứt tình trạng xâm phạm môi trường cảnh quan di tích trên phạm vi cả nước, không để di tích bị xâm phạm thêm nữa; tiếp đến từng bước giải quyết việc vi phạm không gian di tích theo trình tự ưu tiên căn cứ vào mức độ giá trị của di tích và khả năng đầu tư của ngân sách nhà nước và quỹ đất để giải tỏa vi phạm. Theo quan điểm đó, trên thực tế sẽ tùy từng di tích cụ thể để đề ra phương án phù hợp nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường di tích một cách khả thi. Đối với các di sản thế giới và các di

tích cấp quốc gia đặc biệt, cần ưu tiên đầu tư kinh phí để đảm bảo có môi trường cảnh quan tốt ở cả khu vực bảo vệ và khu vực đệm của di sản.

5- Trên thực tiễn những năm qua, chúng ta đã và đang triển khai công tác bảo vệ di sản theo khuynh hướng thứ ba nêu trên, trong tương lai chúng ta cần thực hiện một cách triệt để hơn, rộng rãi hơn. Để làm được điều này, chúng ta cần nhận thức rõ những hạn chế/ bất cập, những nỗi lo hiện nay của chúng ta trên các khía cạnh: Hệ thống tổ chức, cơ cấu bộ máy quản lý, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, nguồn nhân lực, tài chính và nhận thức của cộng đồng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Những tồn tại đó cộng với những khó khăn do quá khứ để lại quá nặng nề nên không thể trong một thời gian ngắn và chỉ một ngành, một cấp có thể khắc phục được. Vậy nên, cần phải có lộ trình/ có sự liên kết/ phối hợp liên ngành để bảo tồn và phát huy giá trị di sản thích hợp với điều kiện của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử.

Trước mắt, chúng ta cần tăng cường tổ chức phổ biến, tuyên truyền vận động thực hiện Luật di sản văn hóa, để Luật đi vào cuộc sống và có hiệu lực trong thực tế, nhằm ngăn chặn việc vi phạm di sản, giữ nguyên hiện trạng của di sản, không để di sản tiếp tục bị xâm phạm, xuống cấp thêm nữa.

Bước thứ hai là, xây dựng quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị các di sản, ưu tiên cải thiện điều kiện của di sản thông qua việc tiến hành bảo quản, tu bổ và phục hồi các di sản.

Bước thứ ba là, tổ chức tôn tạo cải thiện môi trường cảnh quan của di sản, bao gồm cả việc cải tạo, di dời một số công trình xây dựng, nhà ở nằm trong vùng bảo vệ và vùng đệm của di sản.

Tuy nhiên, như đã nói ở trên, để làm được những việc đó không phải dễ, cần có sự phân loại và xác định thứ tự ưu tiên đối với từng di sản theo mức độ giá trị của mỗi di sản.

Để huy động nhiều nguồn lực cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, ngoài ngân sách của Nhà nước, trước đây chúng ta đã thực hiện phương châm " Nhà nước và nhân dân cùng làm", ngày nay chúng ta thực hiện " xã hội hóa " trong hoạt động bảo vệ di sản nhằm khơi dậy những tiềm năng, thu hút sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước để bảo vệ được nhiều di sản hơn. Qua sự tham gia, đóng góp của các lực lượng xã hội, ý thức bảo vệ di sản của cộng đồng sẽ dần được nâng lên.

Bên cạnh những biện pháp hành chính, cũng cần tăng cường các hoạt động chuyên môn, vì công tác quản lý di sản văn hóa ở Việt Nam trải qua nhiều thời kỳ, nhất là ở các giai đoạn chiến tranh, khó khăn thiếu thốn, nhiều di sản đã được xếp hạng di tích quốc gia mà còn chưa có hồ sơ khoa học đầy đủ, nhiều di sản chưa có khu vực đệm. Nhiệm vụ trước mắt của chúng ta là kiểm tra lại các hồ sơ di sản, bổ sung hoàn thiện lại hệ thống hồ sơ pháp lý, những di sản nào chưa có khu vực đệm cần bổ sung thêm. Tăng cường nâng cấp, hoàn thiện hồ sơ tư liệu, đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác quản lý hồ sơ tư liệu bằng các phương tiện hiện đại.

Do chưa có đủ nguồn tài chính để chu cấp cho việc bảo vệ toàn bộ các di sản trên cả nước, nên chúng ta đã lập nên một danh sách các di sản văn hóa đặc biệt quan trọng để ưu tiên tập trung đầu tư chống xuống cấp và tôn tạo, các di sản thế giới nhận được sự quan tâm đặc biệt. Các di sản này đều được lập quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị. Các quy hoạch tổng thể này, ngoài việc chú ý đến công tác tu bổ di tích, những hoạt động để bảo vệ cảnh quan môi trường di sản thế giới đã được quan tâm và đã có những tiến bộ rõ rệt. Trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của thị xã Hội An, của

thành phố Huế đều dành ra những khu đất để thực hiện việc dẫn dân trong các di sản thế giới - ngoài việc di chuyển một phần dân trong các khu di sản ra bên ngoài, vẫn đề kiểm soát việc tăng dân số sinh học và cơ học trong các khu di sản cũng được quan tâm. Việc bảo vệ môi trường cảnh quan di sản được thực hiện bằng nhiều hình thức, ví dụ ở tỉnh Quảng Ninh, Vịnh Hạ Long đã được sự trợ giúp của tổ chức JICA Nhật Bản, Bộ Văn hóa-Thông tin, Bộ Khoa học- Công nghệ ... hoàn thành Dự án Quản lý môi trường Vịnh Hạ Long. Khu di tích Đền Hùng (Phú Thọ) đã triển khai kết hợp giữa dự án bảo tồn di tích và các dự án trồng rừng, cải thiện môi trường. Nhờ những nỗ lực đó, môi trường cảnh quan của nhiều di sản đã được cải thiện một bước. Trước đây việc bảo vệ di sản ở quần thể kiến trúc cổ đô Huế chỉ mới được đặt vào các cụm công trình kiến trúc cụ thể. Tuy nhiên, do những nỗ lực của Việt Nam nhằm cải thiện môi trường của khu di sản, nên Tại phiên họp lần thứ 28 của Ủy ban Di sản thế giới từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 7 tháng 7 năm 2004 tại Tô Châu, Trung Quốc, Ủy ban Di sản thế giới đã đề nghị Việt Nam mở rộng sự quan tâm ra cảnh quan của đôi bờ sông Hương ở phía Nam kinh thành Huế, nhằm tạo ra một mối liên kết giữa kinh thành Huế và các kiến trúc phụ cận, đồng thời tạo thêm vùng đệm bảo vệ cho quần thể di tích kiến trúc cổ đô Huế. Chúng ta hy vọng, với sự nỗ lực của mình cộng với sự trợ giúp có hiệu quả của quốc tế, chúng ta sẽ hạn chế được tác động tiêu cực của quá trình phát triển đến mức thấp nhất.

Trong quá khứ, nhiều di sản của chúng ta bị các yếu tố tự nhiên và xã hội tàn phá. Nhiều di sản đã bị xóa sổ trong chiến tranh, đến khi hòa bình lập lại (1954), thống nhất đất nước (1975), với truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, trên nền móng cũ, nhiều công trình (ngôi đình thờ thành hoàng làng, ngôi chùa thờ Phật, ngôi đền thờ những người có công với dân với nước v.v...) được phục hồi để bảo tồn và phát huy các giá trị tinh thần truyền thống của cộng đồng. Nhờ đó, các hoạt động văn hóa phi vật thể truyền thống được hồi sinh.

Ngày nay, trong một thế giới phát triển mạnh mẽ và đầy biến động, nhiều giá trị mới sinh ra song song với sự mất đi của một số giá trị truyền thống, nhiệm vụ của chúng ta là phải bảo tồn các giá trị truyền thống và phát hiện, giữ gìn các giá trị mới. Trong bối cảnh đó, muốn bảo vệ được các di sản, ngoài những việc làm nêu trên, theo tôi, chúng ta vẫn cần tập trung tăng cường hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cập nhật cùng với sự phát triển chung của thế giới và mỗi dân tộc trong các thời kỳ lịch sử, cần có lộ trình để đưa các văn bản quy phạm pháp luật đó phát huy hiệu lực trong cuộc sống. Cần quan tâm hơn nữa đến chất lượng của các văn bản quy phạm pháp luật do cấp tỉnh và địa phương ban hành.

Song song với việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cần có sự tăng cường hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý bảo vệ và phát huy giá trị di sản.

Đào tạo đội ngũ cán bộ, chuyên gia, thợ lành nghề có trình độ chuyên môn cao, đảm bảo cả số lượng và chất lượng, đủ đáp ứng yêu cầu quản lý và thực thi nghiệp vụ bảo quản, tu bổ, tôn tạo đối với di sản văn hóa vật thể, đủ năng lực để nghiên cứu lập hồ sơ lưu trữ và hoạt động bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể là một vấn đề rất quan trọng cho tương lai. Nếu chúng ta không có đủ nguồn nhân lực hoặc sử dụng nguồn nhân lực một cách không hiệu quả thì rất dễ dẫn đến tình trạng có kinh phí cũng không thể giải ngân vì các dự án bảo tồn và phát huy giá trị di sản không triển khai kịp theo quy định tiến độ thời gian hoặc không đảm bảo chất lượng. Có dự án rồi mà thiếu cán bộ chỉ đạo và giám sát thi công có trình độ chuyên môn vững, tinh thần trách nhiệm cao, và đặc biệt là đội ngũ thợ lành nghề, làm việc có ý thức, thì các dự án đầu tư có khi sẽ trở nên phản tác dụng, di sản không những không được bảo tồn tốt mà trái lại, còn có thể bị phá hủy do nguồn nhân lực của chúng ta không đáp ứng yêu cầu chuyên môn và tinh thần trách nhiệm.

Một điều có ý nghĩa quyết định đến tương lai của di sản là sự ủng hộ của cộng đồng, trong đó có vai trò của nhân dân địa phương và các cấp các ngành có trách nhiệm ra những quyết định liên quan đến di sản văn hóa. Bởi vì, nếu chỉ với sự nỗ lực của những người làm công tác bảo vệ di sản thì chưa đủ và cũng không thể bảo vệ di sản nếu như các cấp, các ngành, nhân dân vẫn đưa ra những quyết định gây bất lợi cho di sản. Chúng ta cần lưu tâm để ý thức trách nhiệm bảo vệ di sản của công chúng được nâng cao hơn hoặc chí ít là ngang bằng với tình cảm tín ngưỡng-tôn giáo của họ đối với các di tích có yếu tố tín ngưỡng - tôn giáo.

Việc phân cấp quản lý di sản là một chủ trương đúng đắn, nhưng làm sao để việc phân cấp thực hiện tốt mà các chuẩn mực chung quốc gia về khoa học bảo tồn di sản vẫn được tuân thủ và giữ vững trong bối cảnh đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn của chúng ta vẫn còn thiếu và yếu - ngay cả ở tuyến trung ương chứ chưa nói gì đến cấp tỉnh và ở các cấp thấp hơn, cũng cần có một lộ trình qua nhiều năm với những tiêu chí, điều kiện cụ thể cho việc phân cấp đi đôi với quy hoạch đào tạo cán bộ.

Nhận thức của giới khoa học về di sản đã đi từ chỗ chỉ quan tâm từng kiến trúc đơn lẻ chuyển qua sự chú ý đến cảnh quan môi trường di sản. Ngày nay, nhận thức ấy lại được đẩy lên một mức cao hơn, đó là những con đường di sản, xâu chuỗi các di sản có quan hệ với nhau không chỉ trong phạm vi một quốc gia, mà có thể còn trải ra nhiều khu vực, vùng lãnh thổ. Trong tương lai, các con đường di sản ấy có thể được kết nối với nhau tạo thành những phức thể di sản văn hóa trong những khu vực rộng lớn. Các di sản văn hóa từ chỗ được nhận diện bằng những giá trị nổi bật toàn cầu, thì nay các di sản văn hóa không chỉ được đánh giá bằng sự đồng nhất mà còn được xem xét trong sự đa dạng. UNESCO năm 1972 thông qua Công ước về Bảo vệ văn hóa và thiên nhiên thế giới, 31 năm sau, tức năm 2003, mới thông qua được Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Nhưng chỉ 1 năm sau (2004) việc phân chia để có thể hiểu sâu sắc hơn từng loại hình di sản, để có thái độ ứng xử bình đẳng hơn với mỗi loại di sản như nêu trên, đã được giới chuyên môn nhận thức một cách tổng thể. Hai mặt (vật thể và phi vật thể) của di sản văn hóa có những tính đặc thù riêng nhưng về cơ bản, chúng là một chỉnh thể không thể tách rời. Những sự phát triển mạnh mẽ về lý luận đó đã và sẽ tạo điều kiện để chúng ta nâng cao tầm nhìn của mình đối với di sản văn hóa trong tương lai một cách toàn diện hơn, sâu sắc hơn, đầy đủ hơn. Điều đó cũng đòi hỏi chúng ta phải có ý thức hơn trong việc liên tục học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn của mỗi người. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ chuyên gia, cán bộ của mình một cách bài bản, khoa học để có thể theo kịp trình độ chung của khu vực và thế giới trong kỷ nguyên bùng nổ thông tin hiện nay.

Về mặt tình trạng bảo tồn, di sản văn hóa vật thể không chỉ chịu tác động mạnh mẽ của các yếu tố tự nhiên và xã hội từ bên ngoài, mà bản thân nó ngay sau khi ra đời/tu bổ đã bắt đầu một quá trình xuống cấp. Di sản văn hóa phi vật thể còn mong manh hơn vì bản chất của nó là luôn luôn thay đổi và phát triển. Do vậy, chúng ta phải có những cơ chế thích hợp cho việc bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ các di sản vật thể và việc ghi chép lưu trữ di sản văn hóa phi vật thể cũng phải được làm thường xuyên, định kỳ.

Trong bối cảnh thế giới hiện nay và tương lai, ngoài sự nỗ lực của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ trong việc bảo vệ di sản của mình, còn cần có sự hỗ trợ của quốc tế về khoa học công nghệ, kinh nghiệm và tài chính. Trên thực tế, UNESCO và các đơn vị trực thuộc của tổ chức này đã và đang ngày càng đóng vai trò tích cực trong việc bảo vệ các di sản trên thế giới. Cho nên, tương lai của việc bảo vệ di sản không chỉ là sự liên kết giữa các cấp các ngành, các địa phương trong một quốc gia mà còn là sự liên kết của toàn thể giới cho một mục tiêu chung: Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên của nhân loại để trao truyền lại cho muôn đời sau.

Nguyễn Quốc Hùng